

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
và công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

4103002690

ngày 23 tháng 9 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 12) ngày 26 tháng 8 năm 2013. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Anh Tuấn
Ông Trần Thanh Văn
Bà Phạm Kiều Diễm
Ông Ngô Đình Luyện
Ông Cao Trọng Miên

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Tạ Duy Linh
Ông Vũ Nhất Tâm
Bà Võ Thị Cẩm Hồng

Trưởng Ban Kiểm soát
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Thanh Văn
Ông Nguyễn Bảo Hạnh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

321 Trần Hưng Đạo
Phường Cô Giang, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam và công ty con
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam và công ty con (“Nhóm công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thay mặt Ban Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2014



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam (“Công ty”) và công ty con (được gọi chung là “Nhóm công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến trang 44.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 13-01-265




Chung Hùng Chun
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0863-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.010.230.342.587	727.230.853.900
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	199.971.822.650	83.912.724.201
Tiền	111		133.571.822.650	30.912.724.201
Các khoản tương đương tiền	112		66.400.000.000	53.000.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	120	6	176.680.000.000	45.000.000.000
Các khoản phải thu	130		114.299.705.164	161.089.419.878
Phải thu khách hàng	131		98.584.187.136	152.242.553.154
Trả trước cho người bán	132		10.843.467.910	7.183.009.076
Phải thu khác	135	7	7.178.598.356	3.544.734.584
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(2.306.548.238)	(1.880.876.936)
Hàng tồn kho	140	8	494.530.328.491	420.173.730.956
Hàng tồn kho	141		500.052.715.154	420.640.882.135
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.522.386.663)	(467.151.179)
Tài sản ngắn hạn khác	150		24.748.486.282	17.054.978.865
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.356.328.012	2.971.557.729
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.463.555.534	12.075.420.481
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.928.602.736	2.008.000.655
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		420.327.613.880	418.260.035.334
Tài sản cố định	220		409.728.392.872	410.119.090.570
Tài sản cố định hữu hình	221	9	366.564.402.220	368.644.916.086
Nguyên giá	222		684.393.347.188	629.676.841.492
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(317.828.944.968)	(261.031.925.406)
Tài sản cố định vô hình	227	10	29.788.500.179	29.084.964.173
Nguyên giá	228		52.348.950.060	50.376.360.314
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(22.560.449.881)	(21.291.396.141)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	13.375.490.473	12.389.210.311
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	294.020.000
Đầu tư dài hạn khác	258		-	294.020.000
Tài sản dài hạn khác	260		10.599.221.008	7.846.924.764
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	5.943.031.799	5.102.861.087
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	4.465.789.209	2.553.663.677
Tài sản dài hạn khác	268		190.400.000	190.400.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.430.557.956.467	1.145.490.889.234

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		929.951.637.589	615.330.213.825
Nợ ngắn hạn	310		929.389.476.589	614.807.213.825
Vay ngắn hạn	311	14	479.745.955.581	292.690.478.278
Phải trả người bán	312		290.662.263.475	176.336.835.389
Người mua trả tiền trước	313		2.059.417.164	592.842.014
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	13.360.611.744	10.036.248.896
Phải trả người lao động	315		75.066.066.715	69.604.090.741
Chi phí phải trả	316	16	32.230.758.043	27.403.760.573
Phải trả khác	319	17	19.998.117.034	23.335.867.271
Dự phòng bảo hành	320	18	8.828.683.963	8.181.035.629
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		7.437.602.870	6.626.055.034
Nợ dài hạn	330		562.161.000	523.000.000
Phải trả dài hạn khác	333		562.161.000	523.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		498.315.000.437	530.183.953.106
Vốn chủ sở hữu	410	19	498.315.000.437	530.183.953.106
Vốn cổ phần	411	20	269.878.430.000	269.878.430.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		62.295.088.755	62.295.088.755
Cổ phiếu quỹ	414	20	(14.419.110.657)	(14.367.110.657)
Quỹ đầu tư phát triển	417	21	50.253.243.359	80.384.982.904
Quỹ dự phòng tài chính	418	21	26.987.843.000	26.987.843.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		103.319.505.980	105.004.719.104
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	22	2.291.318.441	(23.277.697)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		1.430.557.956.467	1.145.490.889.234

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013	31/12/2012
Ngoại tệ – USD	2.222.321	232.564

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2013

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu	01	23	1.879.167.202.573	1.870.422.735.605
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		142.568.109	680.156.160
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		1.879.024.634.464	1.869.742.579.445
Giá vốn hàng bán	11		1.532.157.904.608	1.492.621.615.906
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		346.866.729.856	377.120.963.539
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	18.849.519.870	10.079.040.082
Chi phí tài chính	22	25	21.946.945.980	27.229.541.770
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>14.985.375.658</i>	<i>22.068.211.186</i>
Chi phí bán hàng	24		219.795.734.412	244.131.264.314
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		37.050.340.717	32.391.663.567
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		86.923.228.617	83.447.533.970
Thu nhập khác	31	26	929.464.139	1.509.402.356
Chi phí khác	32		302.095.275	22.582.462
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		627.368.864	1.486.819.894
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		87.550.597.481	84.934.353.864

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		87.550.597.481	84.934.353.864
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	28.137.000.920	22.287.014.730
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	27	(1.912.125.532)	(1.487.755.033)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		61.325.722.093	64.135.094.167
Phân bổ cho:				
Lợi ích cổ đông thiểu số			(85.403.862)	(5.608.167)
Chủ sở hữu của Công ty			61.411.125.955	64.140.702.334
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.307	2.409

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		87.550.597.481	84.934.353.864
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		58.083.348.807	52.528.035.786
Các khoản dự phòng	03		6.128.555.120	(3.395.515.746)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(1.672.616.077)	(1.315.317.356)
Xóa sổ tài sản cố định	05		4.169.950	(545.455)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(13.983.656.123)	(5.928.569.197)
Chi phí lãi vay	06		14.985.375.658	22.068.211.186
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		151.095.774.816	148.890.653.082
Biến động các khoản phải thu	09		46.316.005.625	(14.932.128.458)
Biến động hàng tồn kho	10		(79.411.833.019)	123.019.225.605
Biến động các khoản phải trả	11		125.947.149.432	49.005.920.841
Biến động chi phí trả trước	12		(4.224.940.995)	344.995.675
			239.722.155.859	306.328.666.745
Tiền lãi vay đã trả	13		(14.787.161.580)	(22.853.106.475)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	14		(59.823.585.752)	(17.518.761.237)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(5.957.767.656)	(6.267.406.229)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		159.153.640.871	259.689.392.804
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(57.696.821.059)	(37.766.426.732)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	545.455
Tiền chi đầu tư vào tiền gửi ngân hàng	25		(131.385.980.000)	(45.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi	27		9.637.351.665	3.116.069.197
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(179.445.449.394)	(79.649.812.080)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)


Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Thu từ phát hành vốn chủ sở hữu vào công ty con	31		2.400.000.000	-
Tiền chi mua cổ phiếu quỹ	32		(52.000.000)	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		1.216.042.003.043	1.321.162.567.376
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.028.585.368.230)	(1.398.768.160.407)
Tiền chi thanh toán khoản phải trả dài hạn khác	35		-	(496.000.000)
Tiền trả cổ tức	36		(53.250.972.000)	(69.730.791.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		136.553.662.813	(147.832.384.231)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		116.261.854.290	32.207.196.493
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		83.912.724.201	51.478.243.869
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(202.755.841)	227.283.839
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	199.971.822.650	83.912.724.201

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Người lập:

Người duyệt:


 Nguyễn Duy Hưng
 Kế toán trưởng




 Trần Thanh Văn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ắc quy.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm công ty”). Chi tiết của công ty con, được thành lập tại Việt Nam, như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	Phần trăm sở hữu thực tế
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Việt Gia Phú	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất và bán buôn nguyên vật liệu, thiết bị được sử dụng trong xây dựng.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310500637 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 12 năm 2010.	60%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Nhóm công ty có 1.172 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.151 nhân viên) và Công ty có 1.170 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.149 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Nhóm công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Nhóm công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) *Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa và cấu trúc	5 – 25 năm
▪ Máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	6 – 8 năm
▪ Dụng cụ văn phòng	3 – 5 năm
▪ Khác	5 – 8 năm

(h) *Tài sản cố định vô hình*

(i) *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) *Phần mềm vi tính*

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(i) *Xây dựng cơ bản dở dang*

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) *Chi phí trả trước dài hạn*

(i) *Công cụ và dụng cụ*

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

(ii) *Chi phí khác*

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí quảng cáo và các chi phí khác phát sinh nhằm phục vụ cho hoạt động bán hàng của Nhóm công ty. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả cho nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Nhóm công ty.

Theo Luật Bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Nhóm công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Nhóm công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 180/2012/TT-BTC, yêu cầu tất cả các khoản dự phòng trợ cấp thôi việc đều được hoàn nhập. Nhóm công ty đã thực hiện theo Thông tư 180 và đã hoàn nhập tất cả dự phòng trợ cấp thôi việc vào thu nhập trong năm 2012.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Nhóm công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Nhóm công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có năm đáo hạn cố định mà Nhóm công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Nhóm công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Nhóm công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Nhóm công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Nhóm công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Nhóm công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

- công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Nhóm công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi năm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được dành riêng để chi trả tiền thưởng và các phúc lợi khác cho nhân viên Nhóm công ty.

(p) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Nhóm công ty không có cổ phiếu suy giảm giá trị tiềm ẩn.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Nhóm công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh pin và ắc quy.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

4. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo vùng địa lý

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng	
	2013 VND	2012 VND	2013 VND	2012 VND	2013 VND	2012 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	1.520.867.556.803	1.519.029.190.855	358.157.077.661	350.713.388.590	1.879.024.634.464	1.869.742.579.445
Tài sản của bộ phận	1.430.557.956.467	1.145.490.889.234	-	-	1.430.557.956.467	1.145.490.889.234
Chi tiêu vốn	57.696.821.059	37.766.426.732	-	-	57.696.821.059	37.766.426.732

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	1.332.387.883	992.245.694
Tiền gửi ngân hàng	132.239.434.767	29.920.478.507
Các khoản tương đương tiền	66.400.000.000	53.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	199.971.822.650	83.912.724.201
	<hr/>	<hr/>

6. Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn phản ánh tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có thời gian đáo hạn trong vòng 12 tháng từ ngày phát sinh và có lãi suất năm dao động từ 8% đến 8,9% (2012: từ 9% đến 12%).

7. Phải thu khác

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	7.158.804.458	2.812.500.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	468.209.325
Phải thu khác	19.793.898	264.025.259
	<hr/>	<hr/>
	7.178.598.356	3.544.734.584
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

8. Hàng tồn kho

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Nguyên vật liệu	179.524.326.464	187.223.919.316
Thành phẩm	129.952.912.479	96.185.552.135
Hàng mua đang đi trên đường	101.664.348.865	71.660.196.599
Sản phẩm dở dang	88.827.628.550	65.266.684.792
Hàng hóa	83.498.796	304.529.293
	<hr/>	<hr/>
	500.052.715.154	420.640.882.135
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.522.386.663)	(467.151.179)
	<hr/>	<hr/>
	494.530.328.491	420.173.730.956
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	467.151.179	158.045.655
Tăng dự phòng trong năm	5.522.386.663	309.105.524
Hoàn nhập dự phòng	(467.151.179)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	5.522.386.663	467.151.179
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và cầu trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	130.768.213.090	472.838.391.984	16.832.544.312	7.938.186.806	1.299.505.300	629.676.841.492
Tăng trong năm	-	878.168.200	1.442.961.651	1.983.890.909	-	4.305.020.760
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	49.507.341.494	1.063.754.000	-	-	50.571.095.494
Xóa sổ	-	-	-	(21.445.455)	-	(21.445.455)
Phân loại lại	(258.779.700)	277.379.700	-	-	(18.600.000)	-
Đánh giá lại bởi Kiểm toán Nhà nước	(138.165.103)	-	-	-	-	(138.165.103)
Số dư cuối năm	130.371.268.287	523.501.281.378	19.339.259.963	9.900.632.260	1.280.905.300	684.393.347.188
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	35.394.381.097	209.768.733.775	9.375.996.278	6.201.571.569	291.242.687	261.031.925.406
Khấu hao trong năm	8.219.542.814	45.422.557.385	1.714.830.700	1.234.775.608	222.588.560	56.814.295.067
Xóa sổ	-	-	-	(17.275.505)	-	(17.275.505)
Phân loại lại	3.100.751	(1.705.751)	-	-	(1.395.000)	-
Số dư cuối năm	43.617.024.662	255.189.585.409	11.090.826.978	7.419.071.672	512.436.247	317.828.944.968
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	95.373.831.993	263.069.658.209	7.456.548.034	1.736.615.237	1.008.262.613	368.644.916.086
Số dư cuối năm	86.754.243.625	268.311.695.969	8.248.432.985	2.481.560.588	768.469.053	366.564.402.220

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 157.045 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 149.790 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	47.293.702.056	3.082.658.258	50.376.360.314
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.972.589.746	1.972.589.746
Số dư cuối năm	47.293.702.056	5.055.248.004	52.348.950.060
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	19.071.297.041	2.220.099.100	21.291.396.141
Khấu hao trong năm	543.360.877	725.692.863	1.269.053.740
Số dư cuối năm	19.614.657.918	2.945.791.963	22.560.449.881
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	28.222.405.015	862.559.158	29.084.964.173
Số dư cuối năm	27.679.044.138	2.109.456.041	29.788.500.179

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 18.564 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 18.564 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	12.389.210.311	116.204.152.254
Tăng trong năm	53.529.965.402	33.341.574.649
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(50.571.095.494)	(132.105.093.550)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.972.589.746)	(5.051.423.042)
Số dư cuối năm	13.375.490.473	12.389.210.311

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí trả trước cho máy móc và thiết bị	3.920.758.733	6.979.072.570
Dây chuyền lắp ráp pin tại nhà máy Pin Con Ó	7.348.865.000	-
Khác	2.105.866.740	5.410.137.741
	<hr/>	<hr/>
	13.375.490.473	12.389.210.311
	<hr/>	<hr/>

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	4.747.806.078	355.055.009	5.102.861.087
Tăng trong năm	5.180.796.718	1.035.428.991	6.216.225.709
Phân bổ trong năm	(4.339.642.004)	(805.709.055)	(5.145.351.059)
Phân loại lại	-	(230.703.938)	(230.703.938)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	5.588.960.792	354.071.007	5.943.031.799
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trên các khoản mục sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí phải trả	1.151.688.354	438.032.425
Dự phòng bảo hành	1.942.310.472	2.045.258.907
Dự phòng phải thu khó đòi	92.973.036	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.214.925.066	116.787.795
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	63.892.281	(46.415.450)
	<hr/>	<hr/>
	4.465.789.209	2.553.663.677
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

14. Vay ngắn hạn

Các khoản vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay với điều khoản và điều kiện như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngân hàng Thương mại Chinatrust Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	USD	4,50% - 5,00%	-	24.243.963.719
Ngân hàng TNHH HSBC (Việt Nam)	USD	2,00% - 5,00%	43.729.178.414	146.049.406.255
Ngân hàng TNHH ANZ (Việt Nam)	USD	4,50% - 5,20%	-	21.345.170.562
Ngân hàng TNHH ANZ (Việt Nam)	VND	6,50% - 6,80%	18.404.429.731	-
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	USD	6,00% - 6,50%	-	45.808.641.744
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	VND	6,00% - 6,50%	5.889.000.000	-
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	USD	3,30% - 4,00%	243.411.592.397	55.243.295.998
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam (Viettin Bank)	USD	3,30%	15.209.520.039	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu	USD	3,70% - 4,60%	90.822.235.000	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu	USD	3,70%	61.780.000.000	-
Công ty TNHH đầu tư thương mại du lịch Hiệp Phúc	VND	8,5% - 9%	500.000.000	-
			479.745.955.581	292.690.478.278

Tất cả các khoản vay ngắn hạn ngân hàng không có đảm bảo.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.040.289.658	8.518.173.358
Thuế thu nhập cá nhân	237.227.165	457.082.239
Thuế giá trị gia tăng	3.081.720.481	1.059.763.339
Các loại thuế khác	1.374.440	1.229.960
	<hr/>	<hr/>
	13.360.611.744	10.036.248.896
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

16. Chi phí phải trả

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Hoa hồng phải trả đại lý	25.415.560.978	25.651.630.874
Chi phí thuê đất	1.931.724.000	-
Chi phí tư vấn	1.580.250.000	-
Chi phí lãi vay	666.572.115	468.358.037
Chi phí phải trả khác	2.636.650.950	1.283.771.662
	<hr/>	<hr/>
	32.230.758.043	27.403.760.573
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

17. Phải trả khác

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	873.401.600	2.915.610.111
Bảo hiểm xã hội	130.165.346	89.108.965
Cổ tức phải trả	18.637.521.700	18.638.431.700
Phải trả khác	357.028.388	1.692.716.495
	<hr/>	<hr/>
	19.998.117.034	23.335.867.271
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

18. Dự phòng bảo hành

Biến động của khoản dự phòng bảo hành trong năm như sau:

	VND
Số dư đầu năm	8.181.035.629
Dự phòng lập trong năm	647.648.334
	<hr/>
Số dư cuối năm	8.828.683.963
	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.367.110.657)	77.177.527.175	25.161.897.230	129.528.689.627	549.674.522.130
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	64.140.702.334	64.140.702.334
Cổ tức							
- Đã công bố nhưng chưa trả	-	-	-	-	-	(18.638.431.700)	(18.638.431.700)
- Bằng tiền (Thuyết minh 29)	-	-	-	-	-	(58.577.928.200)	(58.577.928.200)
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	3.207.455.729	1.825.945.770	(5.033.401.499)	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.414.911.458)	(6.414.911.458)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.367.110.657)	80.384.982.904	26.987.843.000	105.004.719.104	530.183.953.106
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	61.411.125.955	61.411.125.955
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(52.000.000)	-	-	-	(52.000.000)
Cổ tức							
- Đã công bố nhưng chưa trả	-	-	-	-	-	(18.637.521.700)	(18.637.521.700)
- Bằng tiền (Thuyết minh 29)	-	-	-	-	-	(34.612.540.300)	(34.612.540.300)
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	3.076.961.587	-	(3.076.961.587)	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.769.315.492)	(6.769.315.492)
Sử dụng quỹ (Thuyết minh 21)	-	-	-	(33.208.701.132)	-	-	(33.208.701.132)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.419.110.657)	50.253.243.359	26.987.843.000	103.319.505.980	498.315.000.437

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Form B 09 – DN/HN

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần đã phát hành của Nhóm công ty là:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	26.987.843	269.878.430.000	26.987.843	269.878.430.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.987.843	269.878.430.000	26.987.843	269.878.430.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(362.812)	(14.419.110.657)	(361.512)	(14.367.110.657)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.625.031	266.250.310.000	26.626.331	266.263.310.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Nhóm công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Nhóm công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Nhóm công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Nhóm công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2013		2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	26.626.331	266.263.310.000	26.626.331	266.263.310.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	(1.300)	(52.000.000)	-	-
Số dư cuối năm	26.625.031	266.250.310.000	26.626.331	266.263.310.000

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

21. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu bao gồm quỹ đầu tư và phát triển và quỹ dự phòng tài chính, được trích lập từ lợi nhuận sau thuế từng năm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

Tại năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 và 2011, Công ty được ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp theo Công văn số 1194/TC-CST ngày 20 tháng 10 năm 2004 và Công văn số 10997/BTC-CST ngày 8 tháng 9 năm 2006 do niêm yết lần đầu giai đoạn từ năm 2004-2006 trên sàn Giao dịch chứng khoán. Số tiền thuế được giảm là 33.208.701.132 VND. Cổ đông của Công ty đã quyết định hạch toán khoản ưu đãi thuế này vào quỹ đầu tư phát triển.

Tháng 12 năm 2013, Công ty nhận biết việc ưu đãi trên có thể không được chấp thuận theo tinh thần của Công văn 2924/TCT-PC ngày 19 tháng 8 năm 2011, Công ty đã kê khai và nộp bổ sung 33.208.701.132 VND vào Ngân sách Nhà nước. Theo nghị quyết 108/NQ-HĐQT/2014 ngày 7 tháng 3 năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định hoàn nhập lại quỹ đầu tư phát triển để bù cho khoản trả thuế trên.

22. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Lợi ích cổ đông thiểu số VND
Số dư đầu năm	(23.277.697)
Lỗ thuần trong năm phân bổ cho cổ đông thiểu số	(85.403.862)
Góp vốn bằng lợi ích cổ đông thiểu số	2.400.000.000
	<hr/>
Số dư cuối năm	2.291.318.441
	<hr/>

23. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	13.983.656.123	5.928.569.197
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.632.036.666	2.310.949.546
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.877.282.873	1.315.317.356
Doanh thu hoạt động tài chính khác	356.544.208	524.203.983
	<hr/> 18.849.519.870	<hr/> 10.079.040.082 <hr/>

25. Chi phí tài chính

	2013 VND	2012 VND
Chi phí lãi vay	14.985.375.658	22.068.211.186
Chiết khấu phải trả	-	742.334.279
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.756.903.526	4.418.996.305
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	204.666.796	-
	<hr/> 21.946.945.980	<hr/> 27.229.541.770 <hr/>

26. Thu nhập khác

	2013 VND	2012 VND
Bán phế liệu	929.464.139	1.236.602.425
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	-	545.455
Thu nhập khác	-	272.254.476
	<hr/> 929.464.139	<hr/> 1.509.402.356 <hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

27. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2013 VND	2012 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	24.917.373.113	22.287.014.730
Dự phòng thiếu trong những năm trước	3.219.627.807	-
	<hr/> 28.137.000.920	<hr/> 22.287.014.730
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(1.912.125.532)	(421.846.389)
Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trước đây	-	(1.065.908.644)
	<hr/> (1.912.125.532)	<hr/> (1.487.755.033)
Chi phí thuế thu nhập	<hr/> 26.224.875.388	<hr/> 20.799.259.697

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	87.550.597.481	84.934.353.864
Thuế tính theo thuế suất của Nhóm công ty	21.887.649.370	21.233.588.466
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	608.971.256	(1.065.908.644)
Chi phí không được khấu trừ thuế	455.249.541	373.214.916
Dự phòng thiếu trong những năm trước	3.219.627.807	-
Ảnh hưởng của những sửa đổi theo yêu cầu của kiểm toán Nhà nước	-	254.859.855
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận – Việt Gia Phú	53.377.414	3.505.104
	<hr/> 26.224.875.388	<hr/> 20.799.259.697

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập như sau:

Đơn vị	Thuế suất hiện hành	Ưu đãi thuế
Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam	25%	Được miễn thuế hai năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận tính thuế (2005 - 2006) và được giảm 50% trong 3 năm tiếp theo.
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Việt Gia Phú	25%	Không

Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 25%.

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

28. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 61.411.125.955 VND (2012: 64.140.702.334 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 26.625.086 (2012: 26.626.331), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	61.411.125.955	64.140.702.334

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2013	2012
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	26.626.331	26.626.331
Mua cổ phiếu quỹ	(1.245)	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	26.625.086	26.626.331

29. Cổ tức

Cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 2 tháng 5 năm 2013 và ngày 23 tháng 12 năm 2013 đã quyết định phân phối khoản cổ tức lần lượt là 13.312.515.500 VND (500 VND trên mỗi cổ phiếu), 21.300.024.800 VND (800 VND trên mỗi cổ phiếu) và 18.637.521.700 triệu VND (700 VND trên mỗi cổ phiếu).

30. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Nhóm công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Nhóm công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Nhóm công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Nhóm công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản tiền gửi ngân hàng của Nhóm công ty.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền gửi ngân hàng và tiền gửi có kỳ hạn	(ii)	375.319.434.767	127.920.478.507
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	103.456.237.254	153.906.410.802
		<hr/>	<hr/>
		478.775.672.021	281.826.889.309

(ii) Tiền gửi ngân hàng và tiền gửi có kỳ hạn

Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại ngân hàng của Nhóm công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Nhóm công ty.

(iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Nhóm công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Nhóm công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Nhóm công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tuổi nợ của phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Giá trị gộp VND	Dự phòng phải thu khó đòi VND	Giá trị gộp VND	Dự phòng phải thu khó đòi VND
Trong hạn	99.820.423.049	-	78.414.491.917	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	-	-	68.452.385.551	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	3.515.960.327	-	7.002.794.751	-
Quá hạn trên 180 ngày	2.426.402.116	(2.306.548.238)	1.917.615.519	(1.880.876.936)
	105.762.785.492	(2.306.548.238)	155.787.287.738	(1.880.876.936)

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	1.880.876.936	2.085.498.206
Tăng dự phòng trong năm	585.420.355	81.795.429
Hoàn nhập	(159.749.053)	(286.416.699)
Số dư cuối năm	2.306.548.238	1.880.876.936

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Nhóm công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Nhóm công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Nhóm công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Nhóm công ty.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi số VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	417.957.205.267	417.957.205.267	417.957.205.267	-
Vay ngắn hạn	479.745.955.581	484.055.457.914	484.055.457.914	-
Phải trả dài hạn khác	562.161.000	562.161.000	-	562.161.000
	898.265.321.848	902.574.824.181	902.012.663.181	562.161.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Giá trị ghi số VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	296.680.553.974	296.680.553.974	296.680.553.974	-
Vay ngắn hạn	292.690.478.278	295.364.742.321	295.364.742.321	-
Phải trả dài hạn khác	523.000.000	523.000.000	-	523.000.000
	589.894.032.252	592.568.296.295	592.045.296.295	523.000.000

Phải trả người bán và phải trả khác bao gồm khoản phải trả người bán, phải trả người lao động, chi phí phải trả và phải trả khác.

Nhóm công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Nhóm công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Nhóm công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Nhóm công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ của Nhóm công ty (VND). Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Nhóm công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Nhóm công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.222.321	232.564
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.167.309	1.420.295
Phải trả người bán và phải trả khác	(10.920.247)	(4.496.388)
Vay ngắn hạn	(21.592.432)	(14.067.289)
	<hr/>	<hr/>
	(29.123.049)	(16.910.818)
	<hr/>	<hr/>

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Nhóm công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
USD	21.070	20.810
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Nhóm công ty, sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
USD (mạnh thêm 1,25%)	(5.749.947.875)
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	
USD (yếu đi 1,07%)	2.828.334.339

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Nhóm công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Nhóm công ty như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính		
Tiền gửi ngân hàng	132.239.434.767	29.920.478.507
Các khoản tương đương tiền	66.400.000.000	53.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	176.680.000.000	45.000.000.000
	<hr/> 375.319.434.767	<hr/> 127.920.478.507
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Nợ phải trả tài chính		
Vay ngắn hạn	(479.745.955.581)	(292.690.478.278)

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản trong lãi suất sẽ giảm 1.000 triệu VND lợi nhuận thuần của Nhóm công ty (2012: 420 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn	375.319.434.767	375.319.434.767	127.920.478.507	127.920.478.507
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	103.456.237.254	(*)	153.906.410.802	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả khác	(417.957.205.267)	(*)	(296.680.553.974)	(*)
- Vay	(479.745.955.581)	(*)	(292.690.478.278)	(*)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn

Giá trị ghi sổ xấp xỉ giá trị hợp lý do các công cụ tài chính này có thời gian đáo hạn ngắn.

(*) Nhóm công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính chưa hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Nhóm công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2013 VND	2012 VND
Các cổ đông		
Trả cổ tức	53.250.062.000	77.216.359.900
Các bên liên quan		
Ký quỹ	158.400.000	15.000.000.000
Lãi tiền gửi	540.544.445	128.000.000
Mua vật liệu	24.042.393.937	10.130.963.950
Thành viên Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị		
Lương và thù lao	4.659.054.605	5.230.539.534

32. Cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Nhóm công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	9.491.823.617	4.931.470.486

Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	1.798.508.000	1.904.090.000
Trong vòng hai đến năm năm	3.341.958.000	3.897.104.000
Sau năm năm	-	669.730.000
	5.140.466.000	6.470.924.000

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.291.655.687.023	1.073.319.015.493
Chi phí nhân công trong chi phí sản xuất	161.718.880.181	145.780.505.579
Chi phí khấu hao	58.083.348.807	52.528.035.786
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.780.482.822	77.264.441.368
Chi phí khác	237.559.004.244	247.932.444.798

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc

